



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 37

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2022 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,63% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 17 người. Trong đó nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/03/2014
• Ông Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/08/2019 Miễn nhiệm ngày 20/01/2022
• Bà Mai Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/02/2022 Miễn nhiệm ngày 11/05/2022
• Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 Miễn nhiệm ngày 25/04/2022
• Bà Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/05/2022

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 841/2022/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 17/08/2022 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 37 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 08 năm 2022

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.130.365.199	84.278.265.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.517.936.598	9.705.138.430
1. Tiền	111		7.242.991.194	9.705.138.430
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.274.945.404	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.341.685.827	4.154.644.442
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	2.211.196.821	4.229.511.016
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(869.510.994)	(74.866.574)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.281.590.964	16.677.756.640
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	25.269.848.210	16.134.991.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	195.515.753	530.877.786
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.978.016.777	1.241.229.862
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.208.412.850)	(1.229.342.256)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		46.623.074	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	85.493.429.748	53.378.649.123
1. Hàng tồn kho	141		85.806.291.201	53.702.110.359
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(312.861.453)	(323.461.236)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		495.722.062	362.076.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	47.605.269	16.021.249
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.351.352	99.622.057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	381.765.441	246.433.593
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			43.247.453.602	40.533.211.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.402.320.062	25.857.122.014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	22.885.552.079	19.388.965.142
- Nguyên giá	222		33.328.533.991	29.079.124.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.442.981.912)	(9.690.159.720)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.516.767.983	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.595.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(79.088.889)	(77.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.356.668.976	8.055.934.273
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	5.356.668.976	6.055.934.273
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.488.464.564	6.620.155.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	6.008.332.537	6.074.086.874
2. Lợi thế thương mại	269		480.132.027	546.068.707
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		178.377.818.801	124.811.477.402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C. Nợ phải trả	300		114.604.853.454	58.744.991.075
I. Nợ ngắn hạn	310		105.717.989.822	49.858.127.443
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	62.433.194.749	28.702.412.023
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7.905.713.914	10.065.920.957
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	13	335.413.105	334.220.461
4. Phải trả người lao động	314		2.802.649.504	2.381.441.619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	719.909.200	1.085.807.527
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	20.414.888.970	213.157.420
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	11.350.045.456	7.318.992.512
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(243.825.076)	(243.825.076)
II. Nợ dài hạn	330		8.886.863.632	8.886.863.632
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	20.000.000	20.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	8.866.863.632	8.866.863.632
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.772.965.347	66.066.486.327
I. Vốn chủ sở hữu	410		63.772.965.347	66.066.486.327
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2.248.359.370	2.248.359.370
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	5.189.073.577	5.189.073.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	2.076.736.890	6.537.552.142
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.494.552.142	4.750.253.511
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(417.815.252)	1.787.298.631
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		13.568.669.414	11.401.375.142
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		178.377.818.801	124.811.477.402



Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	74.559.396.319	68.104.293.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	498.261.044	905.425.137
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		74.061.135.275	67.198.868.483
4. Giá vốn hàng bán	11	24	64.401.736.188	59.253.153.271
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>9.659.399.087</u>	<u>7.945.715.212</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.704.858.575	723.173.015
7. Chi phí tài chính	22	26	1.501.693.871	86.220.550
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		707.049.451	544.536.487
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(199.265.297)	(125.902.673)
9. Chi phí bán hàng	25	27.a	4.626.166.659	4.918.857.214
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	4.383.195.585	3.909.456.553
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>653.936.250</u>	<u>(371.548.763)</u>
12. Thu nhập khác	31	28	161.747.470	113.227.298
13. Chi phí khác	32	29	125.404.791	69.836.624
14. Lợi nhuận khác	40		<u>36.342.679</u>	<u>43.390.674</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>690.278.929</u>	<u>(328.158.089)</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	445.367.109	153.625.606
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(3.197.304)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>244.911.820</u>	<u>(478.586.391)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(417.815.252)	(508.982.309)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		662.727.072	30.395.918
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(103)	(126)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	(103)	(126)



Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	690.278.929	(328.158.089)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí thuê đất	02	883.108.257	623.775.651
- Các khoản dự phòng	03	763.115.231	(500.886.080)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(767.638.426)	(301.906.042)
- Chi phí lãi vay	06	707.049.451	544.536.487
3. Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.275.913.442	37.361.927
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.451.633.191)	(16.678.901.931)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.104.180.842)	(28.701.742.321)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.866.158.103	32.579.403.596
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(28.790.179)	(183.399.050)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	2.018.314.195	1.122.244.756
- Tiền lãi vay đã trả	14	(723.149.213)	(560.236.605)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(519.642.298)	(85.954.373)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.980.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.075.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.257.990.017	(12.468.244.001)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(614.431.822)	(646.622.728)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	8.450.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	654.903.606	(500.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	466.903.723	397.088.126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	507.375.507	2.495.919.943
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	11.340.481.000	14.584.526.459
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.309.428.056)	(4.126.100.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.983.620.300)	(4.768.593.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(952.567.356)	5.689.832.959
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.812.798.168	(4.282.491.099)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.705.138.430	14.461.293.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.517.936.598	10.178.802.229

Chủ tịch Hội đồng quản trị
CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Tuyết
Hà Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Tuyết

Người lập biểu
Nguyễn Thị Tuyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có 3 công ty con và 1 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 79,36%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
 - ✓ Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh. Đây là Công ty con do Công ty con (Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long) sở hữu 51% vốn góp.
Địa chỉ: Lầu 1, số 64 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Công ty liên kết
 - ✓ Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4.12 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	1.715.468.273	384.437.320
Tiền gửi ngân hàng	5.527.522.921	9.320.701.110
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	14.274.945.404	-
Cộng	21.517.936.598	9.705.138.430

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	2.211.196.821	1.341.701.250	869.510.994	4.229.511.016	5.160.658.000	74.866.574
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	-	3.044.031.947	4.013.520.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	111.000	-	95.578	112.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	12.900.000	23.465.340	36.365.340	25.800.000	10.565.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	604.440.000	388.421.234	992.861.234	928.560.000	64.301.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	516.670	500.250	16.420	516.670	1.566.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	-	-	-	155.640.248	191.100.000	-
+ Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC)	1.181.358.000	723.750.000	457.608.000	-	-	-
Cộng	2.211.196.821	1.341.701.250	869.510.994	4.229.511.016	5.160.658.000	74.866.574

Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.500	1.181.358.000	257.100	3.199.672.195
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	238.900	3.044.031.947
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	-	-	18.200	155.640.248
+ Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC)	37.500	1.181.358.000	-	-
Cộng	37.500	1.181.358.000	257.100	3.199.672.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Tình hình hoạt động				
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	25%	500.000	5.356.668.976	5.555.934.273
Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh (*)			-	500.000.000
Cộng			5.356.668.976	6.055.934.273

(*) Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh được chuyển đổi từ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên: Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục – Trường Mầm non Quốc tế Việt Mỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 1501122459 ngày 14/03/2022.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022				01/01/2022					
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (*)	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	1,84%	1,84%	2.000.000.000	-
Cộng					2.000.000.000	-			2.000.000.000	-

(*) Cổ phiếu của Công ty nhận đầu tư này chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về giá thị trường của khoản cổ phiếu nêu trên. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty nhận đầu tư này, do đó khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	300.000.000	524.653.847
Nhà sách Hoàng Sơn	1.484.797.879	1.553.711.536
Nhà sách Kim Ngân	1.290.179.132	1.349.249.717
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	390.236.848	390.236.848
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	380.733.346	572.140.076
Công ty TNHH TM & DV Văn Hóa Hương Trang	-	857.757.170
BQL Dự án ĐT XD CB Huyện Trà Ôn	59.313.500	329.420.000
Nhà sách Minh Đức	194.420.980	593.134.813
Các đối tượng khác	20.618.760.003	9.413.280.719
Cộng	25.269.848.210	16.134.991.248

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	40.100.000	-
Cộng	40.100.000	-

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	250.275.347
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông	36.511.182	36.511.182
Các đối tượng khác	159.004.571	244.091.257
Cộng	195.515.753	530.877.786

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2022	01/01/2022
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	17.719.518	17.719.518
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	-	250.275.347
Cộng	17.719.518	267.994.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức được chia	500.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.150.982.193	-	298.273.949	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	283.592.431	-	910.037.828	-
Phải thu khác	43.442.153	29.000.000	32.918.085	29.000.000
Cộng	1.978.016.777	29.000.000	1.241.229.862	29.000.000

Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2022	01/01/2022
Cổ tức được chia		
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	903.912.429	929.897.095
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	273.945.161	273.945.161
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	30.555.260	25.500.000
Cộng	1.208.412.850	1.229.342.256

11. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.484.364	-	22.484.364	-
Công cụ, dụng cụ	33.072.420	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	190.533.118	-	1.013.669.195	-
Thành phẩm	2.562.531.862	218.870.352	6.516.160.606	229.470.135
Hàng hóa	82.997.669.437	93.991.101	46.149.796.194	93.991.101
Cộng	85.806.291.201	312.861.453	53.702.110.359	323.461.236

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022 là 312.861.453 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	10.170.159	2.722.506
Chi phí sửa chữa	5.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	32.435.110	13.298.743
Cộng	47.605.269	16.021.249

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	257.534.555	253.961.467
Chi phí thi công sửa chữa	21.392.646	27.759.575
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	5.729.405.336	5.792.365.832
Cộng	6.008.332.537	6.074.086.874

(*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất thuê là 611,2 m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Theo đó Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm với số tiền 6.264.188.800 đồng. Mục đích sử dụng đất thuê: Thương mại, dịch vụ (TMD).

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu/Còn được khấu trừ	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	99.622.057	73.042.524	185.040.697	205.755.251	87.118.065	39.823.978
Thuế TNDN	214.147.376	247.196.072	445.367.109	519.642.298	294.647.376	253.420.883
Thuế TNCN	5.766.809	13.981.865	148.214.245	114.261.057	-	42.168.244
Tiền thuê nhà, thuê đất	26.519.408	-	357.675.086	331.155.678	-	-
Các loại thuế khác	-	-	32.670.438	32.670.438	-	-
Cộng	346.055.650	334.220.461	1.168.967.575	1.203.484.722	381.765.441	335.413.105

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	22.558.211.220	346.654.620	5.247.269.350	769.285.184	157.704.488	29.079.124.862
Mua sắm trong kỳ	-	55.373.950	-	1.783.823.600	1.080.005.128	2.919.202.678
Đ/tư XD/CB h/thành	1.330.206.451	-	-	-	-	1.330.206.451
Số cuối kỳ	23.888.417.671	402.028.570	5.247.269.350	2.553.108.784	1.237.709.616	33.328.533.991
Khấu hao						
Số đầu kỳ	6.684.037.835	132.510.444	2.576.029.933	139.877.020	157.704.488	9.690.159.720
Khấu hao trong kỳ	522.138.965	15.270.891	180.889.074	34.523.262	-	752.822.192
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	7.206.176.800	147.781.335	2.756.919.007	174.400.282	157.704.488	10.442.981.912
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	15.874.173.385	214.144.176	2.671.239.417	629.408.164	-	19.388.965.142
Số cuối kỳ	16.682.240.871	254.247.235	2.490.350.343	2.378.708.502	1.080.005.128	22.885.552.079

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 4.075.278.374 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 30/06/2022 là 159.871.143 đồng.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong kỳ	-	50.000.000	50.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	127.700.000	6.595.856.872
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong kỳ	-	1.388.889	1.388.889
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	79.088.889	79.088.889
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	-	6.468.156.872
Số cuối kỳ	6.468.156.872	48.611.111	6.516.767.983

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: Dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 77.700.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	674.109.743	6.335.613.765
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.309.233.857	1.642.946.038
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.230.558.776	4.408.226.424
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	1.675.625.235	4.211.062.035
Công ty Cổ phần sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	29.139.506.295	7.033.643.770
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	3.700.431.200	-
Công ty TNHH EDUCATION SOLUTIONS Việt Nam	3.751.817.160	-
Các đối tượng khác	10.951.912.483	5.070.919.991
Cộng	62.433.194.749	28.702.412.023

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.230.558.776	4.408.226.424
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	29.236.733.295	7.033.643.770
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.309.233.857	1.642.946.038
Cộng	41.776.525.928	13.084.816.232

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	400.082.251	2.080.804.551
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	8.642.241	1.802.159.516
Phòng giáo dục và đào tạo huyện Long Thành	11.267.308	611.967.308
Trạm phát hành Định Quán	-	1.813.954.243
Phòng Giáo Dục Trà Ôn	464.335.405	-
Cửa hàng sách, văn phòng phẩm 114	734.572.288	-
Các đối tượng khác	6.286.814.421	3.757.035.339
Cộng	7.905.713.914	10.065.920.957

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Chi phí hoa hồng môi giới	26.118.200	755.226.765
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	411.810.000	-
Chi phí phải trả lãi vay	-	16.099.762
Chi phí khác	32.500.000	65.000.000
Cộng	719.909.200	1.085.807.527

19. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	19.226.829	1.057.688
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.653.300	-
Cổ tức phải trả	7.016.000	2.203.500
Tài sản thừa chờ xử lý	56.935.013	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	43.000.000
Thù lao phải trả cho HĐQT	-	19.950.000
Phải trả khác	20.280.057.828	146.946.232
Cộng	20.414.888.970	213.157.420

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	20.000.000
Cộng	20.000.000	20.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	6.305.501.600	11.340.481.000	6.802.682.600	10.843.300.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Nai	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	3.305.501.600	6.115.481.000	3.802.682.600	5.618.300.000
- Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	1.000.000.000	5.200.000.000	1.000.000.000	5.200.000.000
- Ông Lê Thanh Nhã	-	25.000.000	-	25.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.013.490.912	-	506.745.456	506.745.456
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	30.000.000	-	15.000.000	15.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	983.490.912	-	491.745.456	491.745.456
Cộng	7.318.992.512	11.340.481.000	7.309.428.056	11.350.045.456

(*) Vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CMC-SVL ngày 02/03/2022 và Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CMC-SVL ngày 07/04/2022, tổng số tiền 5.200.000.000 đồng, lãi suất 8,0%/năm, thời hạn vay là 3 tháng.

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	9.880.354.544	-	506.745.456	9.373.609.088
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long (*)	72.500.000	-	15.000.000	57.500.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long (**)	9.807.854.544	-	491.745.456	9.316.109.088
Cộng	9.880.354.544	-	506.745.456	9.373.609.088
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.013.490.912			506.745.456
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.866.863.632			8.866.863.632

(*) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng cho vay số 49.15/2019-HĐCVTL ngày 25/04/2019 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

hạn mức vay là 150.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 238/HĐTD-VLO.KH ngày 04/06/2020 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 374.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động quản lý.
- Hợp đồng cho vay số 295/HĐTD-VLO.KH ngày 15/06/2020 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 10.000.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí xây dựng hình thành tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2021	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.154.838.802	8.827.488.286
Tăng trong năm	-	-	-	34.234.775	1.787.298.631
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.077.234.775
Số dư tại 31/12/2021	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.189.073.577	6.537.552.142
Số dư tại 01/01/2022	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.189.073.577	6.537.552.142
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(417.815.252)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4.043.000.000
Số dư tại 30/06/2022	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.189.073.577	2.076.736.891

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

c. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	6.537.552.142	8.827.488.286
Lợi nhuận sau thuế năm này	(417.815.252)	1.787.298.631
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.043.000.000	4.077.234.775
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	34.234.775
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	2.076.736.890	6.537.552.142

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	73.224.259.511	65.727.006.707
Doanh thu dịch vụ	772.904.000	180.000.002
Doanh thu khác	562.232.808	2.197.286.911
Cộng	74.559.396.319	68.104.293.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hàng bán bị trả lại	7.469.394	489.318.110
Chiết khấu thương mại	490.791.650	416.107.027
	<u>498.261.044</u>	<u>905.425.137</u>

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn của hàng hóa	63.100.599.185	57.660.950.646
Giá vốn hoạt động khác	823.136.077	1.619.566.193
Giá vốn cung cấp dịch vụ	488.600.709	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.599.783)	(27.363.568)
Cộng	<u>64.401.736.188</u>	<u>59.253.153.271</u>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.655.223	243.076.170
Cổ tức	882.248.500	95.078.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	8.131.787	127.508.065
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	729.823.065	213.310.780
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	48.000.000	44.200.000
Cộng	<u>1.704.858.575</u>	<u>723.173.015</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	794.644.420	(458.315.937)
Chi phí lãi vay	707.049.451	544.536.487
Cộng	1.501.693.871	86.220.550

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương, các khoản trích theo lương	2.899.205.697	2.512.189.403
Chi phí vận chuyển	538.185.321	518.974.884
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	(295.784.239)	274.840.851
Các khoản khác	1.484.559.880	1.612.852.076
Cộng	4.626.166.659	4.918.857.214

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương, các khoản trích theo lương	2.520.296.685	2.037.497.017
Khấu hao TSCĐ	254.528.287	249.950.633
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	78.188.853	224.921.455
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(20.929.406)	(15.206.575)
Các khoản khác	1.551.111.166	1.412.294.023
Cộng	4.383.195.585	3.909.456.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	45.454.545
Thu nhập khác	161.747.470	67.772.753
Cộng	161.747.470	113.227.298

29. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành	15.300.000	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	64.751.708	791.432
Các khoản khác	45.353.083	69.045.192
Cộng	125.404.791	69.836.624

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	690.278.929	(328.158.089)
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	204.071.873	120.390.671
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.086.320.373	215.468.671
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	84.900.000	-
+ Chi phí lãi vay không được trừ	671.466.688	-
+ Lợi thế thương mại phân bổ	65.936.680	65.936.680
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	64.751.708	791.432
+ Lỗ/(lãi) tại Công ty liên doanh, liên kết	199.265.297	125.902.673
+ Hoàn nhập dự phòng tại công ty liên kết	-	22.837.886
- Các khoản điều chỉnh giảm	882.248.500	95.078.000
+ Cổ tức được chia	882.248.500	95.078.000
Tổng thu nhập chịu thuế	894.350.802	(207.767.418)
- Lỗ tính thuế	(1.332.484.741)	(975.895.450)
- Lãi tính thuế	2.226.835.543	768.128.032
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	445.367.109	153.625.606

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(417.815.252)	(508.982.309)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(417.815.252)	(508.982.309)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	(103)	(126)

32. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189.894.002	579.482.862
Chi phí nhân công	5.698.481.182	4.549.686.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	754.211.081	494.878.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.974.000	1.496.589.972
Chi phí khác bằng tiền	1.586.262.459	1.729.175.946
Cộng	9.523.822.724	8.849.813.675

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	62.433.194.749	-	62.433.194.749
Chi phí phải trả	719.909.200	-	719.909.200
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	11.350.045.456	8.866.863.632	20.216.909.088
Phải trả khác	20.330.073.828	20.000.000	20.350.073.828
Cộng	94.833.223.233	8.886.863.632	103.720.086.865
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.702.412.023	-	28.702.412.023
Chi phí phải trả	1.085.807.527	-	1.085.807.527
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	7.318.992.512	8.866.863.632	16.185.856.144
Phải trả khác	212.099.732	20.000.000	232.099.732
Cộng	37.319.311.794	8.886.863.632	46.206.175.426

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	21.517.936.598	-	21.517.936.598
Phải thu khách hàng	24.090.435.360	-	24.090.435.360
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính	1.341.685.827	2.000.000.000	3.341.685.827
Phải thu khác	798.034.584	-	798.034.584
Cộng	47.748.092.369	2.000.000.000	49.748.092.369
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	9.705.138.430	-	9.705.138.430
Phải thu khách hàng	14.934.648.992	-	14.934.648.992
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính	4.154.644.442	2.000.000.000	6.154.644.442
Phải thu khác	913.955.913	-	913.955.913
Cộng	29.708.387.777	2.000.000.000	31.708.387.777

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Đầu tư CMC	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Điện nhẹ Viễn Thông	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	43.625.600	76.607.640
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	85.831.047	28.126.277
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	182.271.286
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	26.891.221.788	18.244.263.923
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	42.621.133.633	25.575.130.267
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	478.021.300	1.270.669.720
Thu hồi tiền cho vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	-	7.450.000.000
Vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	5.200.000.000	1.000.000.000
Trả tiền vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	1.000.000.000	-
Cổ tức được chia		
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	500.000.000	-

c. Thù lao, lương thưởng của cấp quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Nội dung	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	11.000.000	11.000.000
		Lương, thưởng	147.190.000	69.190.000
Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Thù lao	3.000.000	3.000.000
Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Thù lao	3.000.000	3.000.000
Ngô Anh Phương	Ủy viên	Thù lao	7.000.000	7.000.000
Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	Thù lao	3.000.000	3.000.000
Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	14.513.000	153.352.000
Mai Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	56.404.000	-
Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/04/2022)	Lương, thưởng	78.238.000	152.812.000
Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 16/05/2022)	Lương, thưởng	24.189.000	-
Ngô Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	1.600.000	3.200.000
Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	800.000	1.600.000
Đỗ Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	800.000	1.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Trọng Vinh

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022